

SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NÓI GÌ VỀ VIỆC TỰ HỌC TIẾNG ANH CÓ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ?

Hoàng Nguyễn Thu Trang*

Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,

Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 13 tháng 03 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 12 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 05 tháng 01 năm 2017

Tóm tắt: Một trong những công cụ được kỳ vọng có thể tạo nên những đột phá trong đổi mới hoạt động dạy và học ngoại ngữ là công nghệ. Làn sóng công nghệ trong cơn sốt đổi mới được thể hiện ở hàng loạt những dự án về ứng dụng công nghệ trong nhà trường và những nghiên cứu tác động của những chương trình này. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu về việc học sinh Việt tự học ngoại ngữ dựa vào công nghệ còn tương đối khiêm tốn. Qua bảng hỏi, phỏng vấn bán cấu trúc và quan sát, nghiên cứu này tìm hiểu các loại công nghệ được 272 sinh viên Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội sử dụng để tự học tiếng Anh và đánh giá của họ về hoạt động này. Kết quả khẳng định tính đa dạng ở loại công nghệ và các đặc tính nổi bật của công nghệ cũng như khó khăn về kỹ năng tự học của sinh viên.

Từ khóa: công nghệ, tự học dựa vào công nghệ, đặc tính phổ biến của công nghệ (ubiquitous)

1. Đặt vấn đề

Sự bùng nổ của công nghệ đã tạo ra một đòn bẩy quan trọng cho hoạt động dạy và học ngoại ngữ ở các quốc gia nơi mà người học ít có môi trường giao tiếp bằng ngôn ngữ đích trong đời sống hàng ngày (Benson, 2011; Hafner, 2014; Lai & Gu, 2011). Thế giới ảo của truyền thông điện tử cho phép người học không chỉ tương tác với ngôn ngữ đích (Hafner, Chik, Jones, 2013) mà còn tham gia cộng đồng mạng với vai trò người sử dụng ngôn ngữ đó (Warschauer, 2002). Khi có sự thay đổi trong vai trò và cách tiếp cận của người học, người dạy và các nhà hoạch định chính sách cũng cần có những kế hoạch và hướng dẫn giúp người học tận dụng tối ưu những cơ hội học tập này (Barton, Potts, 2013).

Ở Việt Nam, công nghệ cũng được coi là công cụ giúp đổi mới chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Với sự triển khai rộng rãi của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân 2020, các cơ sở đào tạo đã có những đầu tư rõ rệt về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ, mở các lớp tập huấn cho giáo viên và đưa công nghệ vào hỗ trợ các hoạt động thực hành tiếng Anh của học sinh (Lê Văn Canh và cộng sự 2015).

Tuy nhiên, những thiết bị được đầu tư để phục vụ đổi mới sẽ không tác động nhiều đến mục tiêu đổi mới dạy và học nếu không có những nghiên cứu về thái độ và cách sử dụng những thiết bị đó của người học. Vì vậy, rất cần có những nghiên cứu về vấn đề này và nghiên cứu này là nhằm để góp phần tìm ra câu trả lời cho vấn đề còn chưa được nghiên cứu nhiều này.

Nghiên cứu về hoạt động tự học ngoại ngữ có sử dụng công nghệ ở châu Á thể hiện

* ĐT.: 84-985526828, Email: tranghnpearl@gmail.com

sự đa dạng về loại công nghệ, phong phú về hoạt động cũng như mối liên hệ giữa thời gian học, mức độ đa dạng, và mức độ hài lòng của người học với kết quả học tập. Golonka và cộng sự (2014) tổng kết các loại ứng dụng công nghệ thông tin cho hoạt động dạy và học ngoại ngữ được tìm hiểu trong hơn 350 nghiên cứu trước bao gồm (1) các công cụ tự học như khối liệu ngôn ngữ, từ điển điện tử, phụ chú điện tử, hệ thống dạy kèm thông minh, phần mềm kiểm tra lỗi ngữ pháp, phần mềm nhận diện giọng nói; (2) các hoạt động dựa trên mạng xã hội như trò chơi, trò chuyện, mạng xã hội, nhật ký điện tử, diễn đàn trực tuyến; và (3) các thiết bị di động như máy tính bảng, ipod, điện thoại thông minh. Khảo sát trực tuyến và phỏng vấn bán cấu trúc 279 người học một ngoại ngữ hoặc thứ tiếng thứ hai tại Hồng Kông cho thấy sự phổ biến của hoạt động tự học ngoại ngữ dựa vào công nghệ và thái độ tích cực của người học (Lai & Gu, 2011). Chính niềm tin của người học, cùng với kinh nghiệm và thói quen học tập, trình độ ngoại ngữ cũng như trình độ công nghệ đều có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động tự học này.

Mối quan hệ tương tự cũng được khẳng định trong nghiên cứu của Lai, Zhu, Gong (2014) ở thành thị Trung Quốc. Kết quả phân tích bảng hỏi, phỏng vấn và bài viết của 82 học sinh trung học cơ sở cho thấy sự đa dạng về hoạt động tự học ngoại ngữ dựa vào công nghệ có ảnh hưởng đến mức độ tự tin và hài lòng với việc học tiếng Anh cũng như điểm tổng kết môn học. Bản thân hoạt động tự học của các học sinh ở tuổi 14 này lại chịu ảnh hưởng trực tiếp từ phía phụ huynh và phần nào từ giáo viên. Tuy nhiên, với sinh viên đại học, tuổi 18-20, đại đa số sống xa gia đình, quan điểm và các đặc điểm của người học có lẽ cần được quan tâm nhiều hơn.

Gần đây, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ cũng là một trong những vấn đề thu hút được sự chú ý của các nhà nghiên cứu trong nước. Các nghiên cứu ở Việt Nam, theo chúng tôi biết, chủ yếu tập trung về nghiên cứu tác động của một số ứng dụng công nghệ vào giảng dạy một kỹ năng ngôn ngữ nhất định. Các nghiên cứu này đều thể hiện thành công đáng ghi nhận của những đổi mới đó, đặc biệt là ở thái độ đón nhận từ phía giáo viên và học sinh. Ví dụ, nghiên cứu khảo sát với 87 sinh viên và 3 giáo viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân cho thấy công nghệ giúp người học tăng độ tập trung, hứng thú, động lực, sự tiếp xúc với ngôn ngữ đích, thời gian, và tính độc lập (Lê Thị Thu Mai & Phạm Thị Tuyết Hương, 2014). Tương tự, nghiên cứu về tác động của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy kỹ năng đọc tiếng Anh chuyên ngành với 38 giáo viên 400 sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) - một nửa trong số đó là sinh viên Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN), cho thấy sự đánh giá cao tính hiệu quả của hoạt động dạy kỹ năng đọc, tính tự chủ, khả năng tiếp cận ngữ liệu đáng tin cậy và cập nhật (Dương Thị Nụ, 2009). Về mặt khó khăn, nghiên cứu đầu đề cập đến kỹ năng sử dụng máy vi tính và nghiên cứu sau chỉ ra tình trạng thiếu thiết bị, kinh phí và thời gian (Dương Thị Nụ, 2009). Sau hơn nửa thập kỷ, có lẽ sự thiếu thốn về cơ sở vật chất và trình độ công nghệ không còn là trở ngại lớn sinh viên Trường ĐHCN. Tuy nhiên, những nghiên cứu về việc sinh viên Việt chủ động sử dụng công nghệ để tự học ngoại ngữ dường như chưa có nhiều.

Đặc tính của người học (sự ưa thích các công nghệ mới, động lực học tập và khả năng sử dụng công nghệ) cùng với các đặc tính phổ biến của công nghệ (tính có mặt ở khắp

mọi nơi, sự tùy biến ngữ cảnh, tương tác giữa người học và ngữ liệu, hoạt động học tự định hướng và sự hứng thú của người học) được coi là có ảnh hưởng tích cực đến độ hài lòng và kỳ vọng của họ trong việc tự học dựa vào công nghệ (Dương Thị Nụ, 2009). Có lẽ đây không đơn thuần là mối quan hệ một chiều. Người học ưa thích công nghệ và có kỹ năng sử dụng công nghệ có khuynh hướng sử dụng công nghệ để tự học ngoại ngữ và ý thức rõ các đặc tính phổ biến của công nghệ. Tuy nhiên, trong khi niềm tin của người học được coi là có vai trò quyết định hành vi học tập của họ (Golonka và cộng sự, 2014), những nghiên cứu về ý thức của người học về các đặc tính phổ biến của công nghệ lại chưa nhận được sự quan tâm thỏa đáng.

2. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu nhận định của sinh viên Trường ĐHCN - ĐHQGHN về các đặc tính thu hút họ sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh, các loại công nghệ được họ sử dụng và mức độ sử dụng chúng.

Với mục đích trên, nghiên cứu này được thực hiện để đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi sau:

1) Sinh viên Trường ĐHCN - ĐHQGHN sử dụng những công nghệ nào cho hoạt động tự học tiếng Anh?

2) Những sinh viên này có đánh giá gì về tính hiệu quả, thuận lợi và khó khăn khi sử dụng những công nghệ này để tự học tiếng Anh?

3. Phương pháp nghiên cứu

Với mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu ý kiến của sinh viên liên quan đến việc sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh, đây là một nghiên cứu khảo sát với sự kết hợp giữa

phương pháp định lượng và định tính. Công cụ thu thập số liệu chủ yếu là bảng hỏi - một cách thức phổ biến giúp nhanh chóng thu được ý kiến của nhiều người (Gillham, 2000). Bên cạnh những thông tin nền về năm học, giới tính, bảng câu hỏi này tập trung vào tìm hiểu về kinh nghiệm sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh bao gồm loại công nghệ, thời lượng sử dụng và đánh giá của người học về lợi ích, trở ngại cũng như tính hiệu quả của chúng. Chúng tôi thiết kế 11 câu hỏi lựa chọn, bao gồm cả một số lựa chọn mở như loại công nghệ, lợi ích và khó khăn cho người học tự điền, và 5 câu hỏi mở yêu cầu sinh viên mô tả cụ thể thái độ hay sự tiến bộ hoặc giải thích cho lựa chọn của các em. Những câu trả lời của người học, đặc biệt là những đánh giá của sinh viên về hoạt động tự học sử dụng công nghệ, được làm rõ hơn thông qua phỏng vấn trên lớp, trong 10 phút giải lao giữa giờ, với 6 sinh viên năm thứ nhất, 2 sinh viên năm thứ 2, 1 sinh viên năm thứ 3. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng quan sát, ghi chép các loại công nghệ được các em tự trang bị và sử dụng không cần sự hướng dẫn của giáo viên ở một nhóm sinh viên năm thứ nhất và một nhóm sinh viên năm thứ hai trong 10 tuần. Số liệu được thu thập từ nhiều nguồn nhằm đối chiếu để đảm bảo độ tin cậy và sự mô tả cụ thể, rõ ràng (Yoon, 2008). Các số liệu định lượng được tổng hợp và phân tích trên phần mềm SPSS 6.0. Số liệu định tính được phân tích theo phương pháp phân tích nội dung.

Tham gia trả lời bảng hỏi có 272 sinh viên Trường ĐHCN - ĐHQGHN. Trong đó, đại đa số (88%) là nam sinh viên (239 em). Gần 60% là sinh viên năm đầu (158 sinh viên). Sinh viên năm thứ hai chiếm gần 1/3 số người trả lời bảng hỏi. Khoảng 1 trong số 7 sinh viên được hỏi học năm thứ ba hoặc tư.

Người tham gia nghiên cứu chủ yếu là sinh viên năm thứ nhất vì các em được mặc định tham gia các lớp học tiếng Anh ở học kỳ đầu tiên. Từ học kỳ thứ hai các em có đăng ký tham gia các khóa học do nhà trường tổ chức hoặc tự học. Thường thì sinh viên đăng ký học trong ba học kỳ đầu để đạt chuẩn đầu ra là trình độ tiếng Anh bậc 3.

Bảng 1. Số lượng người tham gia khảo sát theo năm học

Sinh viên năm thứ	Số lượng (sinh viên)	Tỷ lệ (%)
Nhất	158	58%
Hai	76	29%
Ba	16	6%
Tư	21	8%

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Các loại công nghệ và thời gian sinh viên sử dụng các công nghệ này để tự học tiếng Anh

Để trả lời câu hỏi về các loại công nghệ được sinh viên Trường ĐHCN - ĐHQGHN sử dụng để tự học tiếng Anh, chúng tôi tập trung vào tìm hiểu các hoạt động tự học tiếng Anh có sử dụng công nghệ, các loại công nghệ được dùng và thời gian sử dụng các công nghệ này.

Bảng 2. Các hoạt động tự học dựa vào công nghệ

Các hoạt động	Số sinh viên	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Làm bài tập từ vựng, ngữ pháp	259	2.39	0.97
Thực hành nghe, nói, đọc, viết	253	2.16	0.95
Trao đổi thư, tin nhắn bằng tiếng Anh	249	1.60	1.01
Chơi trò chơi có sử dụng tiếng Anh	250	2.21	1.17
Xem phim, đọc báo bằng tiếng Anh	255	2.51	1.19

(1 = chưa bao giờ; 2 = 2 tuần 1 lần; 3 = 1-2 lần /tuần; 4 = >3 lần/tuần)

Nhìn vào Bảng 2 ta thấy kết quả tương tự như các nghiên cứu trước ở sự đa dạng trong

các hoạt động tự học dựa vào công nghệ. Giống với nghiên cứu trước (Lai & Gu, 2011), các hoạt động sử dụng tiếng Anh có ý nghĩa với người học (điển hình là xem phim, lướt mạng bằng tiếng Anh, và trừ hoạt động trao đổi thư, tin nhắn bằng tiếng Anh) dường như được người đọc tiến hành thường xuyên hơn, từ 2 tuần 1 lần đến 1-2 lần 1 tuần. Tuy nhiên, các hoạt động tập trung vào dạng thức và kỹ năng ngôn ngữ, mặc dù nhìn chung không thường xuyên bằng, lại có vẻ được người học thực hiện đồng đều hơn (độ lệch chuẩn là 0.95 và 0.97). Theo quan sát của chúng tôi, trong giờ nghỉ giải lao, một sinh viên năm thứ ba học lại cùng nhóm sinh viên năm thứ nhất thường xuyên tập trung làm các bài nghe trên một trang mạng dạy tiếng Anh trực tuyến.

Sinh viên đề cập đến rất nhiều ứng dụng công nghệ để tự học, đặc biệt trên điện thoại thông minh. Trong phiếu khảo sát, các em ghi lại các loại công nghệ được sử dụng chủ yếu để tự học tiếng Anh là các trang mạng như Youtube; Google dịch; từ điển Oxford, tài liệu trên Internet; các trang mạng như *Anki Flash card*; *Hello chào*; *Mshoatoaic.com*; *BBClearningEnglish.com*; mạng xã hội Facebook, các trò chơi trực tuyến như "*Clash of clan*"; các bài học dưới dạng trò chơi như "*Hidden object*". Bên cạnh đó, các em cũng liệt kê những phần mềm được cài đặt trên máy tính hoặc trên điện thoại, ví như "phần mềm dịch; từ điển (ví dụ *TFLAT*, *Lanban*); các phần mềm tự học của *TFLAT*; phần mềm *dualingo*; phần mềm nghe nhạc; truyện song ngữ; chơi trò chơi bằng tiếng Anh. Theo quan sát của chúng tôi trong các giờ học ở 2 lớp, khoảng 2/3 sinh viên thường xuyên tra từ mới bằng máy điện thoại.

Thông kê số lần mỗi loại công nghệ thường được sinh viên sử dụng trùng với kết

quả nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin trong một chương trình học tiếng Anh cho người lớn: công cụ được sử dụng nhiều nhất là Internet, đặc biệt là trang Youtube. Các công cụ khác được cũng sinh viên sử dụng nhiều trong nghiên cứu này là phần mềm dịch, từ điển (trên máy tính, trên điện thoại và trên Internet) và các trò chơi có tiếng Anh. Đây là những công cụ rất khác so với các công cụ được giáo viên liệt kê (đài, đĩa CD) trong các nghiên cứu trước (Meskill và cộng sự, 2006; Jung, 2014). Điều này thể hiện sự thay đổi không ngừng của công nghệ cũng như nhóm đối tượng được nghiên cứu và có thể phần nào ở thời gian họ dành cho hoạt động tự học dựa vào công nghệ. Tuy các loại hình công nghệ tương đối phong phú, ngoài mục đích học tập qua một số trang mạng và tra cứu từ trên từ điển điện tử, các công cụ khác chủ yếu phục vụ mục đích giải trí. Khi trả lời phỏng vấn, 4/9 sinh viên cũng đề cập đến việc “em nhớ một số từ nhờ chơi các trò chơi điện tử và nghe các bài hát tiếng Anh”. Thời gian tự học tiếng Anh hàng tuần của những sinh viên được hỏi cũng rất thấp.

Bảng 3. Thời gian sinh viên tự học tiếng Anh mỗi tuần

Thời gian tự học/ tuần	Số lượng (sinh viên)	Tỷ lệ (%)
Dưới 10 phút	54	20%
10-30 phút	72	26%
30-60 phút	49	18%
Hơn 60 phút	70	26%
Số sv không trả lời	27	10%

Trong số các sinh viên được hỏi, khoảng $\frac{1}{4}$ dành từ 10-30 phút tự học tiếng Anh mỗi tuần. Số sinh viên tương tự dành nhiều hơn 1 giờ mỗi tuần tự học tiếng Anh. Khoảng $\frac{1}{5}$ học từ nửa đến 1 giờ. Đáng lưu ý là cũng số sinh viên tương tự chỉ xem qua hoặc có khi không học vì chỉ dành dưới 10 phút mỗi tuần.

Thời gian tự học này thay đổi không phụ thuộc vào năm học của sinh viên, mặc dù tỷ lệ sinh viên các năm học là không đồng đều. Các sinh viên này có vẻ cũng chưa quen nhiều với việc sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh.

Bảng 4. Thời gian sinh viên sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh

Thời gian	Số sinh viên	Tỷ lệ %
Khoảng 4 tháng hoặc hơn	66	24%
Khoảng 3 tháng	22	8%
Khoảng 2 tháng	60	22%
Khoảng 1 tháng	78	29%
Số sinh viên không trả lời	46	17%

Trong khi gần $\frac{1}{4}$ số sinh viên được hỏi đã sử dụng những công nghệ này được trên 4 tháng, gần $\frac{1}{3}$ (20%) mới tiếp cận những công nghệ để tự học tiếng Anh trong vòng chưa đầy 1 tháng. Với thời gian sử dụng tuy chưa nhiều, sinh viên cũng có những nhận định nhất định về hiệu quả cũng như khó khăn và lợi ích họ thu được từ những hoạt động này.

4.2. Đánh giá của sinh viên đối với việc sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh

Bảng 5. Thái độ của sinh viên về việc thực hành học tiếng Anh trên máy so với trên giấy

	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ %
Học trên máy có lợi hơn trên giấy	191	70%
Học trên máy không có lợi hơn trên giấy	37	14%
Số sinh viên không trả lời	44	16%

Câu trả lời của sinh viên thể hiện rõ nhất sự ưa thích công nghệ của đa số (70%) sinh viên Trường ĐHCN. Khi trả lời bảng hỏi, các em cho rằng tự học tiếng Anh dựa vào công nghệ không chỉ là “hợp với thời đại công nghệ thông tin” mà còn phù hợp với phong cách học tập “dùng máy tính nhiều hơn sách vở, quen với việc học bằng máy tính, quen sử dụng máy tính và Internet, thích làm việc và học tập trên máy tính hơn, cảm thấy đánh máy câu trả lời

thích hơn viết”. Khi được phỏng vấn trực tiếp, một em sinh viên năm đầu cho biết “gõ chữ trên bàn phím hay vuốt màn hình điện thoại nhanh và êm hơn viết trên giấy nhiều”.

Đồng thời, các câu trả lời của sinh viên thể hiện rõ ý thức của các em về các đặc tính phổ biến của công nghệ (Jung, 2014). Trước hết, đó là sự hiện diện của công nghệ ở mọi lúc, mọi nơi đã tạo nên tính tiện ích lớn, giúp cho người học “chủ động hơn, dễ dàng điều khiển thời gian học”. Trong phiếu khảo sát, các em cũng ghi rằng “có thể học mọi lúc, mọi nơi chỉ với thiết bị có kết nối Internet; có thể học bất kì lúc nào tùy thích, không phức tạp và rườm rà như trên giấy; chỉ cần sử dụng các công cụ có khả năng lên mạng là có thể tham gia không mất thời gian đi in đề; có laptop nên chủ động hơn khi ở nhà, di động hơn và không phải sắp xếp thời gian đến các lớp; thực hành trên mạng có thể học vào nhiều thời gian, thuận tiện trong lúc rảnh rỗi; thực hành tiếng Anh trên mạng sẽ phù hợp hơn với em về mặt thời gian.”

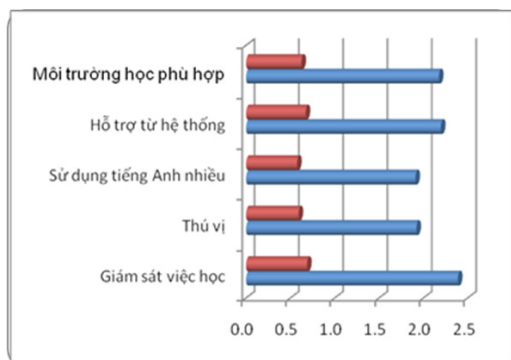
Thứ hai, tính phổ biến của công nghệ được thể hiện ở sự tùy biến bối cảnh học - mức độ cung cấp nội dung hữu ích dựa trên môi trường học của người học (Jung, 2014). Điều này được sinh viên nhận thấy ở khả năng nguồn tài liệu phong phú và mang tính thực tế cao. Trong đó, sự đa dạng cho các em nhiều lựa chọn và giúp việc học trở nên dễ dàng hơn với những yếu tố được ghi trong bảng hỏi là “nguồn tài liệu khá phong phú; công nghệ có thể giúp em thực hành nói tốt hơn; tư liệu đầy đủ, trao đổi dễ dàng; câu nói đa dạng; việc tìm tài liệu liên quan sẽ dễ dàng hơn; các câu hỏi nhiều, phong phú, đa dạng, nhanh có nhiều bài tập hơn mà không mất thời gian đi tìm; thực hành trên mạng có các bài tập về nghe và trao đổi được thông tin, chủ

động trong học tập; thực hành trên mạng tiện lợi và được kiểm tra; thực hành trên mạng có ngân hàng đề lớn; lượng kiến thức phong phú hơn, thuận tiện hơn trong giao tiếp với giáo viên; kiến thức phong phú, dễ hiểu, dễ nghe và tiếp thu tốt do được luyện nói và nghe.” Bên cạnh sự dồi dào, tính thực tế và khả năng tiếp cận nguồn ngữ liệu đích là một điểm cộng lớn của công nghệ được nhiều sinh viên ghi nhận trong phiếu khảo sát: “nghe người bản ngữ đọc chuẩn hơn, biết rõ thêm cấu trúc, từ vựng; học trên mạng nghe dễ hơn, và có thể biết đáp án dễ dàng và có thể học phát âm chuẩn.” Khi trả lời phỏng vấn, hai sinh viên cho biết “em không nhớ cách cô giáo đọc từ; ở nhà phải nghe và nhắc đi nhắc lại theo từ điển”.

Thứ ba, công nghệ mở ra cho khả năng tương tác giữa người học và tài liệu học tập (Jung, 2014). Điều này được thể hiện rõ ở những tính năng của công nghệ như một số sinh viên ghi trong phiếu khảo sát “có thể lưu lại, xem lại và nghiên cứu kỹ hơn; lưu trữ tài liệu dễ dàng, gọn gàng hơn; có thể học khi mình muốn và dễ xem lại, không bị mất tài liệu nếu để lâu; khi tham gia trên mạng tốc độ học tập, xử lý thông tin sẽ nhanh hơn; dễ sửa bài làm sai; làm có điểm luôn; kiểm tra đáp án dễ dàng hơn; khi thực hành trên mạng rất tiện ích, nhanh gọn và tiếp cận dễ dàng và đa chiều hơn; được nghe trực tiếp và có thể nghe lại nhiều lần; được nghe tốt hơn; có cả phần nghe và nói trực tiếp”. Những tiện ích này đã giúp cho các hoạt động học tiếng Anh trở nên “dễ làm hơn, dễ hiểu hơn”. Từ đó, một số em viết lại nhận định chung là “học trên mạng có thể tập trung hơn khi học trên giấy, tiện hơn và có nhiều chức năng tốt hơn so với thực hành trên giấy”. Ba sinh viên năm đầu cũng cho biết khi trả lời phỏng vấn là “trò chuyện qua face đỡ ngại hơn”. Nói cách khác, giống với

một quan sát về mối liên hệ giữa môi trường giao tiếp dựa vào công nghệ và việc học ngoại ngữ (Lin, 2014), các sinh viên Trường ĐHCN cũng đã tìm đến môi trường giao tiếp có sử dụng tiếng Anh trong điều kiện khó có thể sử dụng ngoại ngữ trong cuộc sống hàng ngày.

Ngoài ba đặc tính trên, tính phổ biến của công nghệ thể hiện ở sự hứng thú của người học (Jung, 2014) cũng được đa số các sinh viên đề cập đến. Nhiều câu trả lời bảng hỏi cho thấy công nghệ góp phần làm tăng sức hấp dẫn của các bài học, làm cho chúng “sinh động hơn, gây hứng thú hơn, thú vị hơn”. Tính thú vị của bài học được tạo nên từ tương tác với máy tính và với bạn học, hình ảnh trực quan và sự đa dạng về loại bài tập và tài liệu như một số sinh viên ghi trong phiếu khảo sát: “tương tác như vậy sẽ tránh nhàm chán; trực quan hơn; đỡ khô khan; hình thức mới mẻ sẽ mang lại hứng thú học; tài liệu trên mạng ví dụ như các video, đoạn âm thanh và hình ảnh phong phú và sinh động hơn, thực tế hơn và có hứng thú học hơn”. Đây cũng chính là điểm được đa số người học ghi nhận nhiều nhất, như Hình 1 dưới đây.



Hình 1. Quan điểm của sinh viên về lợi ích từ việc tự học dựa vào công nghệ

Hai lợi ích căn bản của việc sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh được sinh viên công nhận là khả năng tiếp cận nguồn tài liệu

gắn với thực tế và sự hấp dẫn của các hoạt động học mang tính trực quan từ các công cụ đa phương tiện (Fuchs & Sultana, 2013). Tuy nhiên, sinh viên dường như bất đồng quan điểm về vai trò của công nghệ trong việc giúp họ giám sát hoạt động tự học – đặc tính phổ biến thứ 5 của công nghệ (Jung, 2014). Khái niệm tự học ở đây được hiểu là hoạt động học tự định hướng là hoạt động học người học tự giác tiến hành hoạt động học với động lực tự thân, theo đuổi mục tiêu học, nội dung và phương pháp của riêng mình (Jung, 2014). Điều này chỉ được nhận thấy trong câu trả lời bảng hỏi của hai sinh viên là “làm bài tập trên mạng yêu cầu tính tự giác cao hơn.”

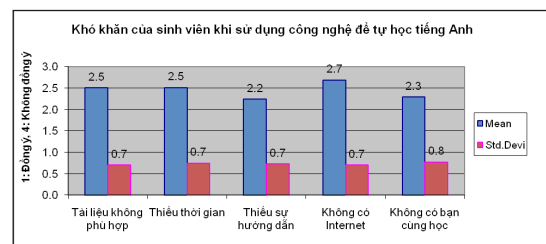
Đây cũng là điểm khác biệt so với kết quả của một nghiên cứu trước ở nước ngoài. Về phương pháp học, một sinh viên cho biết qua phiếu khảo sát là “khả năng nghe, đọc, viết, viết dễ hơn, có hướng đi nhờ có hướng dẫn rõ ràng, từng bước cụ thể để thực hành từng dạng bài tập nhỏ”. Qua phỏng vấn, một sinh viên năm thứ hai đề cập đến việc tham gia khóa học tiếng Anh trực tuyến trong đó “chỉ cần mở máy là biết mình đã học xong phần nào. Điểm cũng được thể hiện trên biểu đồ”. Tuy nhiên, nhìn chung khả năng giúp người học tự điều tiết hoạt động học (Lai, Zhu & Gong, 2014; Yoon, 2008) dường như không được thể hiện trong nhóm sinh viên Trường ĐHCN này. Trong phiếu khảo sát, thay vì nhấn mạnh vào cách thức tự định hướng hoạt động học các em đề cập nhiều hơn đến vai trò của công nghệ là phương tiện giúp người học tham gia các hoạt động học hợp tác, từ đó có thể hình thành cộng đồng học tập - nơi họ “dễ trao đổi hơn; khi online mình có thể trao đổi với nhiều người, giao lưu cùng học tập với nhiều thành viên khác, có thể cùng học với các bạn qua mạng mọi lúc mọi nơi; mọi người dễ chia sẻ

giúp đỡ nhau trong việc học; tham gia thực hành trên mạng sẽ giúp em tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh [do] được hỗ trợ từ hệ thống, thầy cô; được hỗ trợ nhiều hơn và nhanh hơn”. Qua phỏng vấn, một sinh viên năm thứ ba cho biết: “em ghi âm bài nói rồi gửi cho cô giáo nhận xét qua Facebook”.

Một điểm đáng lưu ý là trong khi tính kinh tế ít được đề cập đến trong các nghiên cứu trước, nó lại được một số lượng đáng kể (16) sinh viên đề cập đến trong nghiên cứu này. Các em ghi trong bảng hỏi: “em được nghe trực tiếp, không mất tiền photo bài tập; học trên mạng giúp đỡ tốn kém; nhà trường tạo điều kiện cho học miễn phí; tiết kiệm chi phí”. Nếu như một số nghiên cứu ở Việt Nam (Golonka và cộng sự, 2014; Lê Thị Thu Mai & Phạm Thị Tuyết Hương, 2014) cho thấy thiếu thốn về cơ sở vật chất là một trở ngại không nhỏ trong việc áp dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ thì các em sinh viên trong nghiên cứu này tự nhận thấy mình thực sự được hưởng lợi về mặt tài chính khi được tạo điều kiện để có thể tự học dựa vào công nghệ. Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy tại các giảng đường và thư viện ĐHQGHN đều có phủ wifi, mọi sinh viên đều được cấp tài khoản truy cập, và gần 100% các em đều có máy tính hoặc điện thoại thông minh. Điều này cũng được khẳng định trong nghiên cứu trên 662 sinh viên 6 trường đại học ở Hà Nội và 1 trường đại học ở Quảng Ninh, trong đó 86% có thể truy cập Internet (Vũ Thị Thanh Nhã, 2015).

Bên cạnh các yếu tố về tri nhận và xã hội như đã được nhấn mạnh ở cách các nghiên cứu trước, các vấn đề về tâm lý, cảm xúc cũng được một số sinh viên trong nghiên cứu này quan tâm. Trong phiếu khảo sát, nhiều em ghi hoạt động học không bắt buộc tạo “tâm lý

thoải mái, không lo lắng chuyện điểm; được sử dụng từ điển, không bị áp lực.” Đây có thể coi là một dấu hiệu thể hiện phản ứng tích cực của sinh viên với qui chế mới của ĐHQGHN là từ năm học 2015-2016 sinh viên không chuyên tiếng Anh không bắt buộc phải tham dự các lớp học do nhà trường tổ chức mà điều kiện xét tốt nghiệp đại học là chuẩn bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Tuy nhiên, nó cũng mở ra những thách thức không nhỏ đối với người học, như thể hiện ở Hình 2 dưới đây.



Hình 2. Khó khăn của sinh viên khi sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh

Những khó khăn liên quan đến nguồn tài liệu, thời gian và điều kiện kết nối mạng Internet, ví dụ “thụ động trong trường hợp mất điện hoặc mất mạng internet”, chỉ được hơn 1/3 số sinh viên coi là quan trọng. Điều này có thể thấy thông qua lý giải của những sinh viên chọn hình thức học trên giấy như đã liệt kê ở trên. Một số khó khăn khác cũng được sinh viên đề cập đến trong phiếu khảo sát là “ảnh hưởng tới sức khỏe (mắt); dịch sai; nguồn tài liệu nhiều đến mức không biết nên chọn cái nào; thiếu giao tiếp thực tế và thường là tự tìm hiểu nên có thể sai phương pháp”. Khi phỏng vấn trực tiếp, một sinh viên năm đầu cho biết “rõ ràng em chép từ như trong google dịch mà cô giáo lại bảo chưa chính xác”. Có em sinh viên năm thứ hai nói “em vào thử vài trang tự học nhưng cũng chỉ là làm bài tập trên máy thay vì viết trên giấy”.

Không chỉ với sinh viên năm thứ nhất, sinh viên các năm thứ hai và thứ ba cũng ghi nhận điểm yếu này bên cạnh điểm mạnh của họ về kỹ năng sử dụng công nghệ và điều kiện học tập. Điều này khẳng định lại vai trò hướng dẫn của giáo viên trong việc tự học của học sinh (Lai, Yeung & Hu, 2015). Việc tự nhận là chưa có kỹ năng tự học có ảnh hưởng không nhỏ đến cách nhìn nhận của sinh viên về vai trò của công nghệ trong việc giúp họ hình thành thói quen tự giác và ý thức cũng như cách thức tự điều tiết hoạt động học.

Bảng 5. Đánh giá tính hiệu quả của việc tự học tiếng Anh có sử dụng công nghệ

Tự học tiếng Anh dựa vào công nghệ là	Số sinh viên	Tỷ lệ %
Rất hiệu quả	9	3%
Hiệu quả	103	38%
Không hiệu quả	13	5%
Số sinh viên không trả lời	35	13%

Số lượng sinh viên khẳng định tính hiệu quả của ứng dụng công nghệ trong tự học tiếng Anh tương đương với số sinh viên nghi ngờ tính hiệu quả của hoạt động này (42% so với 41%). Khi khẳng định tính hiệu quả trong việc sử dụng công nghệ để tự học, một số em nhìn vào sự tiến bộ chung của bản thân trong môn học này. Một số em trả lời bằng hỏi là “em thấy có sự tiến bộ trong môn tiếng Anh; tăng các kỹ năng cơ bản; em cảm thấy trình độ mình lên hơn về mọi mặt; 7.0 IELTS; tiếng Anh A1: C; tiếng Anh A2: B; A1 được 6.3 điểm tổng kết sang A2 được 7.2 điểm; điểm khá và tốt trong những năng trung học (em chỉ nghe nhạc tiếng Anh và không dành thời gian học cả trên lớp lẫn ở nhà); trước khi áp dụng: em không thể nghe, nói chuẩn tiếng Anh, phát âm sai; sau khi áp dụng: em có thể phát âm tiếng Anh tốt, khả năng nghe cải thiện”.

Cụ thể hơn, đa số đều cho rằng họ có tiến bộ trong các kỹ năng và kiến thức về

ngôn ngữ. Đặc biệt là hơn 8 trên 10 sinh viên khẳng định họ có tiến bộ ở kỹ năng nghe. Điều này được một số sinh viên ghi trong phiếu khảo sát là “nâng cao khả năng nghe; các bài nghe, thay vì nghe nhiều, số lần giảm xuống 1-2 lần; nghe được một số lời thoại trong phim; nghe được những đoạn tiếng Anh đơn giản; em có thể nghe tốt hơn khi giao tiếp trực tiếp với người nước ngoài bằng tiếng Anh; khả năng nghe tiếng Anh do người bản ngữ nói đã tốt hơn”.

Việc tiến bộ trong một kỹ năng nhỏ đôi khi có liên quan đến việc tiến bộ trong cả những kỹ năng khác. Ví dụ như mối liên hệ giữa kỹ năng nghe và nói (phát âm), được một số sinh viên ghi trong phiếu khảo sát: “(nghe được nhiều hơn) và phát âm chuẩn hơn; nghe và hiểu được cải thiện khi em nghe một bản tin hay đọc một bài báo; có thể nghe những đoạn hội thoại đơn giản, xem phim và nghe nhạc có thể hiểu được một chút, tự tin khi giao tiếp tiếng Anh cơ bản”. Kỹ năng nói tiếng Anh cũng được hơn nửa số sinh viên khẳng định là có tiến bộ như các câu trả lời trong bảng hỏi: “nói tiếng Anh tốt hơn; nói được một số câu giao tiếp cơ bản; phát âm chuẩn hơn so với trước; em đã phát âm đúng hầu hết các âm, trừ âm “th”; khi nói tiếng Anh thì mình cảm thấy có nhịp điệu hơn hẳn; tự tin giao tiếp với bạn bè bằng tiếng Anh; em có thể hát vài bài hát bằng tiếng Anh; sử dụng tiếng Anh tự nhiên hơn khi giao tiếp nhờ xem phim bằng tiếng Anh”. Tuy nhiên, rất hiếm sinh viên trực tiếp đề cập đến phần mềm nhận diện giọng nói (Golonka và cộng sự, 2014).

Các thức luyện tập chủ yếu được 8 sinh viên đề cập đến khi trả lời phỏng vấn là nghe và nhắc lại nhiều lần.

Các kỹ năng đọc và viết cũng được nhiều

sinh viên cho là có tiến bộ. Trong phiếu khảo sát, các em ghi “Em đã có thể đọc một số bài báo, mẫu chuyện bằng tiếng Anh, hát và nghe tiếng Anh qua các bài hát; đọc được số; viết ít sai hơn”. Kỹ năng viết ở đây chủ yếu được nhìn nhận về mặt từ vựng, ngữ pháp – một khía cạnh mà đa số người học cho rằng mình có tiến bộ. Nhiều em ghi trong phiếu khảo sát là “học được nhiều từ vựng mới, cách dùng thì.” Một em trả lời phỏng vấn rằng “Năm lớp 11 gần như mù tiếng Anh, sau 1 năm có thể nhớ rõ 2000 từ và mang máng nghĩa của 1000 từ, thi THPT được 6.25; từ không biết gì sau khi luyện nhiều đã nhớ được thêm nhiều từ mới thông dụng trong giao tiếp hàng ngày; em đã học được nắm rõ được 1 số nội dung cơ bản của ngữ pháp”.

Mặc dù những sinh viên trên nói nhiều về sự tiến bộ của họ trong việc sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh, thời gian sinh viên tham gia khảo sát dành cho hoạt động này, như phân tích ở trên, chưa thực sự nhiều. Các hoạt động luyện tập kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ hay đặc biệt là việc sử dụng tiếng Anh nhìn chung có tần suất thấp hơn hẳn các hoạt động giải trí. Quan trọng hơn, kỹ năng tự học được coi là một trở ngại lớn. Bên cạnh đó, số sinh viên nghi ngờ khả năng họ sử dụng công nghệ một cách hiệu quả vẫn lớn. Như vậy, những đánh giá tích cực về sự tiến bộ của bản thân khi sử dụng công nghệ để tự học tiếng Anh có lẽ là ở những sinh viên chủ động và thường xuyên thực hiện hoạt động này.

5. Kết luận và đề xuất

Nghiên cứu này cho thấy sinh viên Trường ĐHCN - ĐHQGHN sử dụng đa dạng các loại công nghệ, chủ yếu là từ điển điện tử và phần mềm tự học tiếng Anh trên điện thoại. Các hoạt động học không đồng đều về

thời gian và tần suất nhưng phong phú về hình thức, gồm cả các hoạt động tập trung vào ngôn ngữ và các hoạt động tập trung vào ý nghĩa. Việc tự học dựa vào công nghệ được thực hiện rộng khắp trong nhóm sinh viên được hỏi khẳng định sức hút của công nghệ nhờ các tiện ích về mặt thời gian, không gian, môi trường tiếp cận ngữ liệu đích phong phú và thú vị, và đặc biệt ở khả năng tương tác với các tài liệu học tập. Tuy nhiên, nhìn chung, thời gian sinh viên ngành công nghệ tự học tiếng Anh chưa phải nhiều và các hoạt động tự học chưa gắn với việc phát triển kiến thức và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ. Sinh viên chủ yếu sử dụng công nghệ hiện có để làm các bài tập nhận biết từ trong trò chơi hay nghe nhạc. Đây dường như là hệ quả của việc thiếu kỹ năng tự học, cần có sự hướng dẫn của giáo viên.

Việc sinh viên biết đến nhiều loại công nghệ phục vụ cho hoạt động học ngoại ngữ nhưng lại chưa tự giác, tích cực sử dụng chúng đặt ra yêu cầu tích hợp hoạt động tự học của người học vào chương trình giảng dạy. Điều này cần được các nhà quản lý, xây dựng chương trình đưa hoạt động tự học dựa vào công nghệ là một phần hữu cơ trong chương trình học trên lớp, trong đó có thời gian hướng dẫn người học tự học (Jones, 2001). Chương trình này sẽ được cụ thể hóa ở việc giáo viên giúp người học xác định rõ ràng mục tiêu của từng bài học và tạo môi trường học mang tính tương tác cao nhằm tạo định hướng và động lực cho người học tự tìm hiểu thêm để có những đóng góp sâu sắc hơn trên lớp (Fukuda & Yoshida, 2013). Từ đây, có thể có những nghiên cứu tập trung vào mối liên hệ giữa ứng dụng công nghệ trong chương trình học trên lớp với hoạt động tự học dựa vào công nghệ.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là một phần của đề tài “Nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tự học ngoại ngữ của sinh viên Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội” do Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN tài trợ. Nghiên cứu không thể hoàn thành nếu không có sự tham gia chia sẻ quan điểm của các em sinh viên Trường ĐHCN - ĐHQGHN.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Lê Văn Canh, Phùng Thị Kim Dung, Hoàng Thị Hạnh, Phạm Thanh Hằng, Vũ Thị Thanh Nhã, Cầm Tú Tài, Vũ Tiến Thịnh, Hoàng Nguyễn Thu Trang. (2015). *Báo cáo thường niên giáo dục ngoại ngữ năm*. Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN, 2015, 5.
- Lê Thị Thu Mai & Phạm Thị Tuyết Hương. (2014). Phương pháp dạy học sử dụng Internet nhằm phát triển kỹ năng nghe hiểu cho sinh viên tiếng Anh thương mại – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. *Hội thảo khoa học quốc tế Chiến lược ngoại ngữ trong xu thế hội nhập*, Đại học Hà Nội, 708-714.
- Vũ Thị Thanh Nhã. (2015). Thực hiện chuẩn đầu ra ở trường đại học không chuyên ngữ, Trong Lê Văn Canh, Phùng Thị Kim Dung, Hoàng Thị Hạnh, Phạm Thanh Hằng, Vũ Thị Thanh Nhã, Cầm Tú Tài, Vũ Tiến Thịnh, Hoàng Nguyễn Thu Trang. (2015). *Báo cáo thường niên giáo dục ngoại ngữ năm*. Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN, 2015, 107-138.
- Dương Thị Nụ (2009). Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy kỹ năng đọc tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên không chuyên ngoại ngữ ở Đại học Quốc gia Hà Nội. *Đề tài NCKH cấp ĐHQG*, 2009, <http://data.ulis.vnu.edu.vn/jspui/handle/123456789/1788?mode=full&submit_simple>Show+full+item+record>.

Tiếng Anh

- Barton, D., & Potts, D. (2013). Language learning online as a social practice. *TESOL Quarterly*, 47(4), 2013, 815-820.
- Benson, P. (2011). Language learning and teaching beyond the classroom: An introduction to the field. In P. Benson & H. Reinders (Eds.), *Beyond the language classroom*. London, UK: Palgrave MacMillan.
- Fuchs, C. (2009). Digital natives and their self-rated electronic literacy skills: Empirical findings from a survey study in German secondary schools. In R. Oxford & J. Oxford (Eds.), *Second language teaching and learning in the next generation* (pp. 31-52). Honolulu: University of Hawai'i, National Foreign Language Resource Center.
- Fukuda, S. T., & Yoshida, H. (2013). Time is of the essence: factors encouraging out-of-class study time. *ELT Journal*, 67(1), 31-40. Doi: 10.1093/elt/ccs054.
- Gillham, B. (2000). *Developing a questionnaire*. London: Continuum.
- Golonka, E.M., Bowles, A.R., Frank, V.M., Richardson, D.L., & Freynik, S. (2014). Technologies for foreign language learning: A review of technology types and their effectiveness. *Computer Assisted Language Learning*, 27(1), 70-105.
- Hafner, C. A. (2014). Embedding digital literacies in English language teaching: Students' digital video projects as multimodal ensembles. *TESOL Quarterly*, 48(4), 655-685.
- Hafner, C.A., Chik, A., & Jones, R.H. (2013). Engaging with digital literacies in TESOL. *TESOL Quarterly*, 47(4), 812-815.
- Jones, J.F. (2001). CALL and the responsibilities for teachers and administrators. *ELT Journal*, 55(4), 360-367.
- Jung, H-J. (2014). Ubiquitous learning: Determinants impacting learners' satisfaction

- and performance with smartphones. *Language Learnign & Technology*, 18(3), 97-119.
- Lai, C. & Gu, M. (2011). Self-regulated out-of-class language learning with technology. *Computer Assisted Language Learning*, 24(4), 317-335.
- Lai, C., Yeung, Y., & Hu, J. (2015). University student and teacher perceptions of teacher roles in promoting autonomous language learning with technology outside the classroom. *Computer Assisted Language Learning*, doi. 10.1080/09588221.2015.1016441.
- Lai, C., Zhu, W., Gong, G. (2014). Understanding the quality of out-of-class English learning. *TESOL Quarterly*, doi. 10.1002/tesq.171.
- Lin, H. (2014). Establishing an empirical link between computer-mediated communication (CMC) and SLA: A meta-analysis of the research. *Language Learnign & Technology*, 18(3), 120-147.
- Meskill, C., Anthony, N., Hilliker-Vanstrander, S., Tseng, C-H. & You, J. (2006). CALL: A survey of K-12 ESOL teacher uses and preferences. *TESOL Quarterly*, 40(2), 439-451.
- Warschauer, M. (2002). A developmental perspective on technology in language education. *TESOL Quarterly*, 36(3), 453-475.
- Yoon, H. (2008). More than a linguistic reference: The influence of corpus technology on L2 academic writing. *Language Learning & Technology*, 12(2), 31-48.

WHAT DO LEARNERS OF TECHNOLOGY SAY ABOUT SELF-DIRECTED ENGLISH LEARNING WITH TECHNOLOGY?

Hoang Nguyen Thu Trang

*Faculty of English, VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The assumption that technology is a tool to boost the reform in English Language Teaching can be seen in the boom of projects on computer mediated learning and teaching as well as a huge amount of research on their efficiency. Nevertheless, the number of studies on using technology in out-of-class learning is quite small in Vietnam. This study, using a questionnaire, semi-structured interviews and observation, reports the view of 272 students at the University of Technology and Engineering – Vietnam National University Hanoi on types of technology and their perceived advantages, difficulties and effectiveness of using technology for self-study. The results confirm the variety of technology types and students' positive attitudes towards technology-based language learning as well as their difficulty in self-directed learning.

Keywords: technology, self-directed learning, affordances, ubiquitous

6. Em thường tự học ở nhà theo hình thức nào (hãy đánh dấu \checkmark vào 1 ô tương ứng)

Hoạt động \ Thời lượng	chưa bao giờ	2 tuần 1 lần	1-2 lần /1 tuần	≥ 3 lần/ 1 tuần
6.1. Làm bài tập thực hành (từ vựng/ ngữ pháp/ nghe/ đọc)				
6.2. Làm bài tập ngữ âm/ nói/ viết				
6.3. Trao đổi thư/ chat/ viết blog bằng tiếng Anh qua mạng Internet				
6.4. Chơi các trò chơi/ giải câu đố tiếng Anh trên điện thoại/ qua mạng				
6.5. Nghe tin/ xem phim đọc báo điện tử bằng tiếng Anh				
Khác				
.....				

7. Em thường sử dụng công nghệ gì để học tiếng Anh? (ví dụ: phần mềm tự học trên máy tính/ điện thoại, v.v.)

.....

7.1. Em đã học theo hình thức này trong bao lâu?

- A. ≥ 4 tháng B. 3 tháng C. 2 tháng D. ≤ 1 tháng

7.2. Em cảm thấy như thế nào khi sử dụng công nghệ đó cho mục đích học tiếng Anh?

.....

.....

8. Em thấy hoạt động thực hành tiếng Anh qua máy giúp em tự tin hơn khi (đánh dấu \checkmark vào 1 ô)	rất đồng ý	đồng ý	không đồng ý	rất không đồng ý
8.1. nói tiếng Anh				
8.2. nghe tiếng Anh				
8.3. đọc tiếng Anh				
8.4. viết tiếng Anh				
8.5. làm bài tập từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh				

8.6. Em hãy lấy một ví dụ về sự tiến bộ của mình.

.....

.....

9. Khó khăn khi sử dụng công nghệ trong học tiếng Anh là:	rất đồng ý	đồng ý	không đồng ý	rất không đồng ý
9.1. nguồn tài liệu không phù hợp				
9.2. thiếu thời gian tự học				
9.3. chưa được hướng dẫn				
9.4. không kết nối được Internet				
9.5. Không có bạn cùng học				
Khác				
.....				

10. Sử dụng công nghệ giúp em _____ (em hãy đánh dấu √ vào 1 ô tương ứng)	rất đồng ý	đồng ý	không đồng ý	rất không đồng ý
10.1. giám sát việc học				
10.2. thấy học tiếng Anh thú vị hơn				
10.3. sử dụng tiếng Anh nhiều hơn				
10.4. được trợ giúp (từ hệ thống/ bạn bè/ thầy cô) trong khi học				
10.5. có môi trường học phù hợp				
Khác:				
.....				

11. Em thấy mình đã sử dụng công nghệ để học tiếng Anh một cách:

A. có hiệu quả cao B. có hiệu quả C. chưa chắc có hiệu quả D. không hiệu quả

Em hãy giải thích cho câu trả lời như 11:

.....

.....

Trân trọng cảm ơn em.